

Bản án số: 548/2026/HS-PT

Ngày: 15-07-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Uyên Thy

Các Thẩm phán: 1. Ông Lê Công Huân

2. Bà Nguyễn Huỳnh Mai Tâm Quyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Quang - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Viễn Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 07 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 339/2026/TLPT-HS ngày 08 tháng 5 năm 2026, đối với các bị cáo Thân Công T và đồng phạm. Do có kháng cáo của các bị cáo Thân Công T, Nguyễn Kim P, Giang Phúc B, Tô Minh T1, Huỳnh Thế T2, Nguyễn Văn H, Võ Thành N, Trịnh Tiến D, Bùi Thị Thanh V, Trần Thị T3, Phạm Ngọc T4, Trần Văn H1, Đoàn Ngọc T5, Phan Kim T6, Nguyễn Thị Lệ T7, Trần Kim T8, Bùi Thanh P1, Nguyễn Thị Thanh T9, Phạm Minh K, Trần Xiu N1, Cao Hoài T10, Nguyễn Văn H2, Đặng Đình N2, Võ Thị H3, Trương Thế V1, Bùi Thị Kim H4, Nguyễn Thanh D1 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 177/2026/HS-ST ngày 26/03/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Thân Công T; giới tính: Nam; Sinh năm 2000 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi thường trú và chỗ ở: C4/10 ấp A, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Thân Công T11, sinh năm 1979 và bà Mai Hồng Thủy C, sinh năm 1977; Bị cáo chưa vợ, con. Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn, tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/6/2022, đến ngày 14/9/2022 thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay (có mặt).

2. Nguyễn Kim P; giới tính: Nam; Sinh năm 1993 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi thường trú: 132/10 L tỉnh 5, Khu phố E, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo:

không; Trình độ học vấn: 0/12; Nghề nghiệp: không; Con ông Huỳnh Văn T12 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Kim T13; Có vợ là Châu Thị An T14, chưa có con. Tiền án, Tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/6/2022 cho đến nay (có mặt).

3. G; giới tính: Nam; Sinh năm 1979 tại Tỉnh Long An; Nơi thường trú và chỗ ở: Tổ 09 ấp L, xã P, tỉnh Tây Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Buôn bán; Con ông Giang H5, sinh năm 1955 và bà Lê Thị L, sinh năm 1957 (tại phiên tòa bị cáo khai mẹ tên Lê Thị L1, sinh năm 1957); Có vợ là Nguyễn Thị Kim C1 và 02 con (lớn sinh năm 2000 và nhỏ sinh năm 2003). Tiền án, tiền sự: không.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn ra “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

4. Tô Minh T1 (tên gọi khác: T1 nộp); giới tính: Nam; Sinh ngày 21/02/ 1976 tại tỉnh Long An (nay là tỉnh Tây Ninh); Nơi thường trú và chỗ ở: 151A/3 ấp A, xã Đ, tỉnh Tây Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Tài xế; Con ông Tô Văn N3 (đã chết) và bà Phạm Ngọc X, sinh năm 1956; Có vợ là Phạm Thị T15 và 02 con (con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2004). Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 19/6/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xử phạt 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm 03 tháng 22 ngày về tội “Tổ chức đánh bạc” theo Bản án số 41/2013/HSST. Đã chấp hành xong khoản án phí hình sự sơ thẩm và tiền phạt vào ngày 22/9/2017.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

5. Huỳnh Thế T2; giới tính: Nam; Sinh ngày 07/9/1983 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi thường trú: E4/124/1, ấp C, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: B3/17 ấp B, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 07/12; Nghề nghiệp: không; Con ông Huỳnh Công T16, sinh năm 1959 và bà Hứa Thị Thu H6, sinh năm 1959; Có vợ là Nguyễn Ngọc S và 02 con (con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2012). Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

6. Nguyễn Văn H; giới tính: Nam; Sinh ngày 05/9/1979 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi thường trú và chỗ ở: C9/21 ấp A, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Tài xế; Con ông Nguyễn Văn H7 và bà Thân Thị Ngọc H8; Có vợ là Nguyễn Thị Tổ L2 và 01 con sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

7. Võ Thành N; giới tính: Nam; Sinh ngày 24/02/1982 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi thường trú và chỗ ở: D14/45 ấp A, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Nội trợ; Con ông Võ Văn N4 và bà Trần Thị Đ; Có vợ là Nguyễn Hạnh Anh

T17 và 02 con (con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm 2020). Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

8. Trịnh Tiến D; giới tính: Nam; Sinh năm 1976 tại tỉnh Ninh Thuận (nay là tỉnh Khánh Hòa); Nơi thường trú: Thôn A, xã P, tỉnh Khánh Hòa; Chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Con ông Trịnh S1 (đã chết) và bà Phan Thị T18, sinh năm 1954; Có vợ là Trương Thị N5 và 02 con (con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2013). Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/6/2022 cho đến nay (có mặt).

9. Bùi Thị Thanh V; giới tính: Nữ; Sinh năm 1971 tại tỉnh Trà Vinh (nay là tỉnh Vĩnh Long); Nơi thường trú: 1506 đường B, khu phố A, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Nhà không số, tổ H, ấp E, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Tự do; Con ông Bùi Văn Q (đã chết) và bà Phạm Thị T19 (đã chết); Bị cáo chưa có chồng, con. Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

10. Trần Thị T3; giới tính: Nữ; Sinh năm 1960 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi thường trú: F4/72 ấp A, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: E32/59 ấp H, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 01/12; Nghề nghiệp: Nội trợ; Con ông Trần Văn M (đã chết) và bà Phan Thị S2, sinh năm 1935; Có chồng là Phạm Văn V2 và 03 con (con lớn nhất sinh năm 1980, con nhỏ nhất sinh năm 1986). Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

11. Phạm Ngọc T4; giới tính: Nam; Sinh năm 1985 tại tỉnh Long An (nay là tỉnh Tây Ninh); Nơi thường trú và chỗ ở: Tổ A, ấp P, xã P, tỉnh Tây Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: không; Con ông Phạm Văn M1 (đã chết) và bà Trương Thị Ú, sinh năm 1945; Có vợ là Phan Thị T20 và 02 con (con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2020). Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

12. Trần Văn H1; giới tính: Nam; Sinh ngày 26/3/1969 tại tỉnh Bạc Liêu (nay là tỉnh Cà Mau); Nơi thường trú và chỗ ở: E13/60 ấp F, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Tài xế; Con ông Trần Văn C2 (đã chết) và bà Nguyễn Thị L3 (đã chết); Có vợ là Nguyễn Thị P2 và 01 con, sinh năm 2006. Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

13. Đoàn Ngọc T5; giới tính: Nam; Sinh ngày 01/01/1976 tại tỉnh Long An (nay là tỉnh Tây Ninh); Nơi thường trú và chỗ ở: Tổ H, ấp V, xã P, tỉnh Tây Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề

nghề nghiệp: Buôn bán; Con ông Đoàn Văn C3 (đã chết) và bà Nguyễn Thị B1 (đã chết); Bị cáo chưa có vợ, con (tại phiên tòa bị cáo khai có vợ tên Phan Thị N6, có 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2005). Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 27/5/2009, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo Bản án số 162/2009/HSST. Ngày 17/9/2009, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm, bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm theo Bản án số 1829/2009/HSPT. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/3/2011, đã chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm và hình sự phúc thẩm.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

14. Phan Kim T6; giới tính: Nữ; Sinh ngày 15/6/1971 tại tỉnh Long An (nay là tỉnh Tây Ninh); Nơi thường trú và chỗ ở: C5/26A ấp A, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Nội trợ; Con ông Phan Thế T21, sinh năm 1952 và bà Đặng Kim Đ1 (đã chết); Có chồng là Hồ Văn T22 và 01 con, sinh năm 2005. Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 07/9/2007, bị UBND xã H, huyện B ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại cấp xã trong thời hạn 06 tháng về hành vi đánh bạc trái phép theo Quyết định số 36/QĐ-UB. Chấp hành xong ngày 09/3/2008.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

15. Nguyễn Thị Lệ T7; Giới tính: Nữ; Sinh năm 1968 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi thường trú và chỗ ở: B7/26 ấp B, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: không; Con ông Nguyễn Hữu A (đã chết) và bà Thái Thị T23 (đã chết); Có chồng là Nguyễn Văn H9 và 03 con (con lớn nhất sinh năm 1993, con nhỏ nhất sinh năm 1997). Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 03/8/2020, bị Công an xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc trái phép theo Quyết định số 27377/QĐ-XPHC. Đóng phạt xong ngày 12/8/2020.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/6/2022, đến ngày 14/9/2022 thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

16. Trần Kim T8; giới tính: Nữ; Sinh năm 1974 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi thường trú: D17/467 ấp A, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: E, ấp A, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 4/12; Nghề nghiệp: Nội trợ; Con ông Trần Văn N7 (đã chết) và bà Trần Thị T24, sinh năm 1922; Có chồng là Huỳnh Văn H10 (đã ly hôn) và 01 con, sinh năm 1998. Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 05/11/2018, bị Công an xã H, huyện B xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc trái phép theo Quyết định số 12803/QĐ-XPVPHC. Đã đóng phạt xong vào ngày 07/11/2018.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/6/2022, đến ngày 14/9/2022 thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

17. Bùi Thanh P1; giới tính: Nam; Sinh năm 1977 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi thường trú và chỗ ở: B6/5C ấp B, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 04/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Con ông Bùi Văn T25 (đã chết) và bà Huỳnh Thị C4 (đã chết); Có vợ là Hồ Bích T26 và 02 con, (con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2007). Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

- Ngày 10/3/2009, bị Công an huyện B xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.000.000 đồng về hành vi đánh bạc trái phép theo Quyết định số 7470/QĐ-XPHC. Đã đóng phạt.

- Ngày 02/4/2020, bị Công an xã Q, huyện B xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc trái phép theo Quyết định số 11475/QĐ-XPHC. Đóng phạt xong vào ngày 06/5/2020.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/6/2022, đến ngày 26/6/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

18. Nguyễn Thị Thanh T9; giới tính: Nữ; Sinh ngày 19/11/1982 tại tỉnh Long An (nay là tỉnh Tây Ninh); Nơi thường trú và chỗ ở: Tổ B, ấp P, xã M, tỉnh Tây Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Nội trợ; Con ông Nguyễn Thanh T27, sinh năm 1954 và bà Phạm Thị M2 (đã chết); Có chồng là Phạm Văn M3 (đã ly hôn) và 02 con (con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2020). Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

19. Phạm Minh K; giới tính: Nam; Sinh ngày 19/4/1982 tại tỉnh Long An (nay là tỉnh Tây Ninh); Nơi thường trú và chỗ ở: Tổ D, ấp P, xã M, tỉnh Tây Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Tài xế; Con ông Phạm Văn P3, sinh năm 1959 và bà Lê Thị C5, sinh năm 1958; Có vợ là Nguyễn Thị Ngọc P4 và 02 con (con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2019). Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

20. Trần Xíu N1; giới tính: Nam; Sinh ngày 03/5/1968 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi thường trú và nơi ở: E14/415A8 ấp D, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Hoa; Tôn giáo: Phật giáo; Trình độ học vấn: 02/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Con ông Trần L4 (đã chết) và bà Trần Thị S3 (đã chết); Có vợ là Lê H11 và 03 con (lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 1993). Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

21. Cao Hoài T10; giới tính: Nam; sinh năm 1980 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi thường trú và chỗ ở: B10/306 ấp B, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp:

Lái xe; Con ông Cao Văn C6, sinh năm 1955 và bà Thái Thị T28, sinh năm 1957; Có vợ tên Phạm Thị Lệ T29 và 01 con sinh năm 2005. Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

22. Nguyễn Văn H2; giới tính: Nam; sinh ngày 10/02/1979 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi thường trú và chỗ ở: A14/2A ấp B, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 02/12; Nghề nghiệp: Buôn bán; Con ông Trần Văn T30, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị B2, sinh năm 1958; Có vợ là Nguyễn Thị Hồng L5 và 01 con sinh năm 2019. Tiền sự: không.

Tiền án: Ngày 17/12/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An xử phạt tiền 20.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”, theo Bản án số 136/2021/HS-ST. Chấp hành xong đóng phạt và án phí vào ngày 12/01/2022.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

23. Đặng Đình N2; giới tính: Nam; Sinh năm 1978 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi thường trú và chỗ ở: Số A đường số C, khu nhà ở T, ấp B, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 02/12; Nghề nghiệp: Buôn bán; Con ông Đặng Văn T31 (đã chết) và bà Lê Thị Đ2 (đã chết); Có vợ là Lê Thị Hồng Q1 và 01 con sinh năm 2005. Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

- Ngày 18/10/2002, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, theo Bản án số 1556/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/02/2005. Đã chấp hành án xong, đóng án hình sự và dân sự vào ngày 23/10/2003, chấp hành xong khoản bồi thường dân sự 23/11/2004.

- Ngày 23/9/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt tiền 25.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”, theo Bản án số 270/2016/HSST. Chấp hành xong tiền phạt và án phí hình sự sơ thẩm vào ngày 07/3/2017.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 25/10/2025 cho đến nay (có mặt).

24. Võ Thị H3; giới tính: Nữ; Sinh ngày 15/02/1968 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi thường trú: B134/15D N, khu phố B, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: A12/11 ấp G, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh; Trình độ học vấn: 00/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Buôn bán; Con ông Nguyễn Văn S4 (đã chết) và bà Võ Thị M4 (đã chết); Có chồng là Lê Văn M5 (đã ly hôn) và 02 con, (con lớn nhất sinh năm 1993, con nhỏ nhất sinh năm 1999). Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

25. Trương Thế V1; giới tính: Nam; Sinh ngày 02/3/1972 tại tỉnh Tây Ninh; Nơi thường trú và chỗ ở: Tổ G, ấp P, xã M, tỉnh Tây Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Buôn bán;

Con ông Trương Văn T32, sinh năm 1944 và bà Nguyễn Thị S5 (đã chết); Có vợ là Huỳnh Thị Kim C7 và 01 con, sinh năm 1997. Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

26. Bùi Thị Kim H4; giới tính: Nữ; Sinh ngày 03/2/1979 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi thường trú: F12/75C ấp C, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: D đường A, ấp I, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Nội trợ; Con ông Bùi Văn T33 (đã chết) và bà Trương Thị M6 (đã chết); có 02 con (con lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2005). Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

27. Nguyễn Thanh D1; giới tính: Nam; Sinh ngày 01/01/1976 tại tỉnh Tây Ninh; Nơi thường trú và chỗ ở: Tổ A, ấp V, xã P, tỉnh Tây Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 3/12; Nghề nghiệp: Thợ hồ; Cha (không rõ) và mẹ tên Nguyễn Thị B3 (đã chết); Có vợ là Cổ Mỹ L6 và 02 con (con lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2012). Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

- *Người bào chữa:*

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H2: Ông Trần Xuân M7, Luật sư của Trung tâm tư vấn pháp luật tại Thành phố H, Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị T3: Ông Lữ Minh C8, Luật sư Văn phòng L9 (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án này còn có 26 bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng nghị gồm: Thân Công T11, Nguyễn Trung H12, Phan Chím H13, Thái Ngọc N8, Nguyễn Thanh H14, Bùi Hiếu N9, Lê Văn M8, Lý Minh T34, Nguyễn Trường Nhựt V3, Nguyễn Thanh L7, Võ Trung H15, Phạm Đại D2, Bùi Công K1, Bùi Công L8, Lâm Thị Thúy A1, Võ Quang N10, Trương Hoàng K2, Nguyễn Văn T35, Nguyễn Minh N11, Nguyễn Chí T36, Phan Văn B4, Trần Quốc P5, Trần Thị Thảo S6, Nguyễn Thị Hồng N12, Huỳnh Thị Kim H16, Nguyễn Thị Hồng T37 và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, có căn cứ xác định:

Vào lúc 15 giờ ngày 16/6/2022, Đ4 Công an huyện B phối hợp Phòng PC02 - Công an Thành phố H và Công an xã Q, huyện B tiến hành kiểm tra địa chỉ kẻ nhà C4/28, Tổ D, Ấp C, xã Q, huyện B. Qua kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang Thân Công T11 và các đối tượng đang tổ chức cho nhiều người tham gia đánh bạc bằng hình thức đá gà và tài xỉu được thua bằng tiền nên tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ tang vật, đưa các đối tượng tham gia đánh bạc cùng các đối tượng khác có mặt tại sòng bạc về trụ sở làm việc .

*** Qua điều tra xác định như sau:**

Từ ngày 13/6/2022, Thân Công T11 bắt đầu tổ chức sòng bạc cho nhiều người khác tham gia đánh bạc bằng hình thức đá gà và tài xỉu được ăn thua bằng tiền tại nhà kế địa chỉ C, tổ D, Ấp C, xã Q, huyện B để lấy tiền xâu. T11 rủ thêm nhiều người tham gia phụ giúp và phân công nhiệm vụ, cụ thể cho từng người như sau: Thân Công T (con ruột của Thân Công T11) làm công việc thu, giữ tiền xâu, ghi sổ; Nguyễn Kim P và một số đối tượng khác chưa rõ lai lịch trông giữ xe, chở con bạc đi chuyên.

Trong ngày 16/6/2022, T11 cùng các đối tượng trong nhóm tổ chức đã tổ chức được 09 độ gà và 04 ca tài xỉu. Cụ thể như sau:

I. T38 gà: Do Nguyễn Trung H12 làm trọng tài cho tất cả các độ gà.

1/ Trận gà thứ nhất: Giữa gà điều xanh với gà điều vàng, cấp đá số 5.000.000 đồng, đá đồng. Kết quả: Điều vàng thắng và T có lấy xâu 3.850.000 đồng (trong đó 350.000 đồng trong sổ và 3.500.000 đồng của các con biện lấy từ đá hàng xáo).

2/ Trận gà thứ hai: Giữa gà điều xanh với gà điều đỏ, cấp đá số 10.000.000 đồng, đá đồng. Kết quả: Điều đỏ thắng và T lấy xâu được 6.250.000 đồng (trong đó 500.000 đồng trong sổ và 5.750.000 đồng của các con biện lấy từ đá hàng xáo).

- Bên gà điều xanh: Chủ gà là Nguyễn Thị Thanh T9; băng cựa và thả gà chưa xác định. Nguyễn Thị Thanh T9 tham gia 10.000.000 đồng cấp đá số, đá đồng. Sau đó, chia lại cho Phạm Minh K và bạn của K (chưa rõ lai lịch) 5.000.000 đồng. Gà tre điều xanh thua, T9 thua 5.000.000 đồng. Phạm Minh K tham gia 1.000.000 đồng cấp đá số, đá đồng. Gà tre điều xanh thua, K thua 1.000.000 đồng.

- Bên gà điều đỏ: Chủ gà, băng cựa và thả gà chưa xác định. Trương Thế V1 tham gia 1.000.000 đồng bắt gà điều đỏ, đá đồng thông qua chủ gà không rõ lai lịch. Gà điều đỏ thắng, V1 thắng 1.000.000 đồng. Tiền dùng đánh bạc tại độ gà này là: 20.000.000 đồng.

3/ Trận gà thứ ba: Giữa gà xám đỏ với gà điều xanh, cấp đá số 10.000.000 đồng, đá đồng. Kết quả: Gà điều xanh thắng và T lấy xâu được 7.250.000 đồng (trong đó 500.000 đồng trong sổ và 6.750.000 đồng của các con biện lấy từ đá hàng xáo). Số tiền dùng để đánh bạc trong độ gà này là 20.000.000 đồng.

4/ Trận gà thứ tư: Giữa gà trắng đỏ với gà trắng xanh, cấp đá số 10.000.000 đồng, đá đồng. Kết quả: Gà trắng xanh thắng và T lấy xâu được 9.750.000 đồng (trong đó 500.000 đồng trong sổ và 9.250.000 đồng của các con biện lấy từ đá hàng xáo). Tiền dùng đánh bạc tại độ gà này là: 20.000.000 đồng.

5/ Trận gà thứ năm: Giữa gà điều đỏ với gà trắng xanh, cấp đá số 10.000.000 đồng, không đá giao hữu, đá đồng. Kết quả: Gà điều đỏ thắng và T lấy xâu được 5.400.000 đồng (trong đó 500.000 đồng trong sổ và 4.900.000 đồng của các con biện lấy từ đá hàng xáo). Tiền dùng đánh bạc tại độ gà này là: 20.000.000 đồng.

- Tham gia đá hàng xáo không thông qua biện:

+ Nguyễn Thị Thanh T9 và Phạm Minh K tham gia mỗi người 1.000.000 đồng bắt gà điều đỏ, ăn 9 thua đủ với một người không rõ lai lịch. Gà điều đỏ thắng, T9

và K thắng mỗi người là 800.000 đồng. Tiền dùng để đánh bạc của T9 và K mỗi người là 1.800.000 đồng.

+ Đặng Đình N2 tham gia 1.000.000 đồng bắt gà điều đỏ, ăn 7 thua đủ với một người không rõ lai lịch. Gà điều đỏ thắng, N2 thắng 700.000 đồng. Tiền dùng để đánh bạc của N2 là 1.700.000 đồng.

6/ Trận gà thứ sáu: Giữa gà khét xanh với gà đen đỏ, cấp đá số 10.000.000 đồng, không đá giao hữu, đá đồng. Kết quả: Gà khét xanh thắng và T lấy xâu được 4.500.000 đồng (trong đó 500.000 đồng trong sổ và 4.000.000 đồng của các con biện lấy từ đá hàng xáo).

- Tham gia đá hàng xáo thông qua biện: Trương Hoàng K2 và Trần Xíu N1 hùn mỗi người 2.500.000 đồng bắt gà khét xanh, đá đồng thông qua biện M8. Gà khét xanh thắng, K2 và N1 thắng mỗi người 2.500.000 đồng. Tiền dùng để đánh bạc của K2 và N1 là 10.000.000 đồng.

7/ Trận gà thứ bảy: Giữa gà xanh bông với gà điều xanh, cấp đá số 10.000.000 đồng, không đá giao hữu, đá đồng. Kết quả: Gà xanh bông thắng và T lấy xâu được 3.500.000 đồng (trong đó 500.000 đồng trong sổ và 3.000.000 đồng của các con biện lấy từ đá hàng xáo).

- Tham gia đá hàng xáo thông qua biện:

+ Cao Hoài T10 và Nguyễn Văn T35 mỗi người tham gia 2.500.000 đồng bắt gà xanh bông, ăn 9 thua đủ thông qua biện Thanh Hùng. Gà xanh bông thắng, T10 và T35 thắng 4.500.000 đồng. Tiền dùng để đánh bạc của T10 và T35 là 9.500.000 đồng.

+ Trương Hoàng K2 và Trần Xíu N1 mỗi người hùn 2.500.000 đồng bắt gà điều xanh, ăn đủ thua 9 thông qua biện Thanh Hùng. Gà điều xanh thua, K2 và N1 mỗi người thua 2.250.000 đồng. Tiền dùng để đánh bạc của K2 và N1 là 9.500.000 đồng.

8/ Trận gà thứ tám: Giữa gà vàng xanh với gà trắng đỏ, cấp đá số 10.000.000 đồng, không đá giao hữu, đá đồng. Kết quả: Gà vàng xanh thắng và T lấy xâu được 6.400.000 đồng (trong đó 500.000 đồng trong sổ và 5.900.000 đồng của các con biện lấy từ đá hàng xáo).

9/ Trận gà thứ chín: Giữa gà vàng đỏ với gà vàng xanh, cấp đá số 10.000.000 đồng, gà vàng xanh chấp đá ăn 9. Kết quả: Gà vàng đỏ thắng và T lấy xâu được 4.150.000 đồng (trong đó 500.000 đồng trong sổ và 3.650.000 đồng của các con biện lấy từ đá dàn xáo).

- Bên gà vàng đỏ: Chủ gà là Nguyễn Văn H2, băng cựa và thả gà là Đặng Đình N2.

+ Nguyễn Văn H2 tham gia cấp sổ 10.000.000 đồng, ăn đủ thua 9. Đá giao hữu 10.000.000 đồng, ăn 7 thua đủ thông qua biện N13 (không rõ lai lịch). Gà vàng đỏ thắng, H2 thắng tiền đá sổ 10.000.000 đồng và tiền giao hữu 7.000.000 đồng. Tiền dùng đánh bạc của H2 là 36.000.000 đồng.

- Bên gà vàng xanh: Chủ gà, băng cựa và thả gà chưa xác định.

+ Trương Thế V1 tham gia 1.000.000 đồng bắt gà vàng xanh, đá đồng thông qua chủ gà không rõ lai lịch. Gà vàng xanh thua, Vũ thua 1.000.000 đồng.

- Tham gia đá hàng xáo thông qua biện:

+ Cao Hoài T10 và Nguyễn Văn T35 mỗi người hùn 2.500.000 đồng bắt gà vàng xanh, ăn đủ thua 7 thông qua biện Thanh Hùng. Gà vàng xanh thua, T10 và T35 mỗi người thua 1.750.000 đồng. Tiền dùng để đánh bạc của T10 và T35 là 8.500.000 đồng.

- Tham gia đá hàng xáo không thông qua biện:

+ Nguyễn Thị Thanh T9 bắt gà vàng xanh số tiền 500.000 đồng, ăn đủ thua 8 với một người không rõ lai lịch. Gà vàng xanh thua, T9 thua 400.000 đồng.

+ Phạm Văn T39 và Phạm Minh K bắt gà vàng xanh mỗi người 1.000.000 đồng, ăn đủ thua 8 với người không rõ lai lịch. Gà vàng xanh thua T39 và K mỗi người thua 800.000 đồng.

Sau khi kết thúc độ gà thứ 9, các nhóm tổ chức đang cấp độ cho con gà vàng với gà xám, cấp đá số 10.000.000 đồng, gà xám đá chấp đá ăn 9 nhưng chưa chốt số. Khi 02 con gà đang băng cựa, chưa thả gà thì Công an đến bắt quả tang.

II. Đối với sòng tài xỉu:

Các đối tượng tổ chức:

1/ Phạm Đại D2: Do có quen biết từ trước nên Thân Công Thành gọi điện thoại cho D2 báo sẽ mở sòng bạc tại ấp C, xã Q, huyện B và kêu D2 đến phụ sòng lặc tài xỉu. Theo quy định, khi con bạc nào muốn làm cái thì báo với D2 để sắp giờ, tiền 01 ca làm cái D2 sẽ thu 1.000.000 đồng và trong quá trình chơi khi nhà cái “Bão” thì D2 thu tiền xâu 50% số tiền thu được (sòng tài xỉu chơi bão bên tài hoặc bão bên xỉu, không chơi bão ăn hết hai bên). Vào ngày 16/6/2022, D2 sắp được 04 ca lặc tài xỉu gồm:

Ca 1: bắt đầu từ 11 giờ 30 phút, Giang Phúc B và Bùi Công L8 hùn tiền làm cái, trong đó L8 hùn 10.000.000 đồng và cho B mượn 40.000.000 đồng, còn B bỏ ra 62.000.000 đồng để làm cái. B lặc xí ngẫu, phát hỏa gồm: Lập, Nguyễn Văn H, Huỳnh Thế T2. Có khoảng 10 con bạc tham gia chơi đến khoảng 12 giờ 15 phút thì nhà cái thua hết tiền nên ngưng. Trong ca này, nhà cái được “Bão” 01 ván nên trả công cho Nguyễn Văn H, Huỳnh Thế T2 mỗi người 200.000 đồng, D2 thu tiền xâu 50% được 2.000.000 đồng. Riêng tiền ca 1.000.000 đồng thì D2 cho lại B do nhà cái bị thua trong quá trình làm cái. Số tiền dùng đánh bạc ca 1 là 112.000.000 đồng.

Ca 2: bắt đầu lúc 12 giờ 15 phút, Lâm Thị Thúy A1 bỏ ra 100.000.000 đồng để làm cái, lặc xí ngẫu, phát hỏa gồm: Võ Quang N10, Bùi Công L8 và Trịnh Tiến D. Có khoảng 20 con bạc tham gia chơi đến khoảng 13 giờ 30 phút thì ngưng, Hết ca này A1 thắng được 2.000.000 đồng. Nhà cái được bão 01 cây nên trả công cho Võ Quang N10, Bùi Công L8 và Trịnh Tiến D mỗi người 500.000 đồng, D2 thu tiền xâu được 4.000.000 đồng. Riêng tiền ca 1.000.000 đồng thì D2 cho lại Thúy A1. Số tiền dùng đánh bạc ca 2 là 102.000.000 đồng

Ca 3: bắt đầu từ lúc 13 giờ 30 phút, Tô Minh T1 sử dụng 220.000.000 đồng để làm cái lắc xí ngầu, phát hoả gồm Võ Quang N10 và người tên “Nhóc”, “T2” (không rõ lai lịch). Có khoảng 15 người tham gia chơi đến khoảng 14 giờ 30 phút thì T1 thua hết tiền nên ngưng. Nhà cái được bảo 01 cây nên cho phát hoả Võ Quang N10, “Nhóc” và “T2” mỗi người 500.000 đồng, D2 thu tiền xâu được 4.500.000 đồng. Số tiền dùng đánh bạc ca 3 là 220.000.000 đồng

Ca 4: bắt đầu lúc 14 giờ 30 phút, Lâm Thị Thúy A1 sử dụng 102.000.000 đồng để làm cái lắc xí ngầu, phát hoả gồm: Bùi Công L8, Trịnh Tiến D và Võ Quang N10. Các con bạc tham gia khoảng 30 người. A1 làm cái được một lúc thì thua hết số tiền này nên mượn của một người đàn ông tên “Địa (không rõ lai lịch) số tiền 200.000.000 đồng để tiếp tục làm cái đến khoảng 15 giờ, cùng ngày nhà cái đã mở chén, nhóm phát hoả đang thu chi tiền, các con bạc tham gia gồm: Nguyễn Thị Lê T7, D, Bùi Thị Thanh V, Phạm Ngọc T4, Trần Văn H1, Lê Duy N14, Võ Thành N, Đoàn Ngọc T5, Phan Kim T6, Trần Kim T8, Bùi Thanh P1, Trần Thị T3 và một số người khác (đã bỏ trốn) thì Công an ập vào bắt quả tang. Ca này D2 chưa thu được tiền xâu do nhà cái chưa được cây bảo nào. Toàn bộ tiền thu xâu khi bỏ chạy D2 làm rớt mất. Số tiền dùng để đánh bạc ca 4 là 304.90.000 đồng (gồm: 277.100.000 đồng + 9.500.000 đồng (thu trên chiếu bạc) + 3.500.000 đồng (tiền của Phạm Ngọc T4 dùng đánh bạc) + 6.400.000 đồng (tiền của Trần Văn H1 dùng đánh bạc) + 4.200.000 đồng (tiền của Võ Thành N dùng đánh bạc) + 700.000 đồng (tiền của Đoàn Ngọc T5 dùng đánh bạc) + 3.000.000 đồng (tiền của Phan Kim T6 dùng đánh bạc) + 500.000 đồng (tiền của Trần Kim T8 dùng đánh bạc).

2/ Bùi Công K1: K1 được Thân Công T11 gọi đến phụ giúp công việc tại sòng bạc. Công việc của K1 là lôi kéo các con bạc về chơi tại sòng bạc. Ngày 16/6/2022, K1 rủ được Tô Minh T1 đến chơi và báo cho Phạm Đại D2 sắp giờ cho T1 làm cái tại ca 3. K1 chưa được T11 trả công.

*** Các đối tượng tham gia bị bắt quả tang gồm:**

1/ Lâm Thị Thúy A1: Khoảng 11 giờ ngày 16/6/2022, A1 đến sòng bạc, vào tham gia bên sòng tài xỉu. A1 đem theo trong người 214.000.000 đồng, sử dụng 100.000.000 đồng để đánh bạc. A1 báo với Phạm Đại D2 và được sắp giờ làm cái ca 2 (bắt đầu lúc 12 giờ 15 phút). A1 kêu thêm Trịnh Tiến D, Võ Quang N10 và Bùi Công K1 vào làm phát hoả giúp A1. A1 làm cái bảo được 01 ván nên A1 chia cho D, N10 và K1 mỗi người 500.000 đồng. A1 làm cái đến khoảng 13 giờ 30 phút thì nghỉ, thắng được 2.000.000 đồng. Đến ca tiếp theo do Tô Minh T1 làm cái thì A1 ngồi xem không chơi. Sau đó, A1 tiếp tục xin D2 cho làm cái và kêu D, N10 và Bùi Công L8 làm phát hoả. A1 dùng 102.000.000 đồng để làm cái. Khi thua gần hết số tiền này, A1 mượn thêm của một người đàn ông tên “Địa” (không rõ lai lịch) số tiền 200.000.000 đồng để làm cái. Con bạc tham gia khoảng 30 người, An lắc được khoảng 07 ván, đến ván cuối lắc ra bên tài thắng, nhóm phát hoả đang chung chi tiền trên chiếu bạc thì Công an ập vào bắt quả tang.

2/ Võ Quang N10: Nhân biết Thân C và Phạm Đại D2 có mở sòng bạc tại ấp C, xã Q nên xin vào làm phát hoả cho con bạc tại sòng tài xỉu. Công việc của N10 là phụ nhà cái chung, chi tiền trên chiếu bạc, quản lý, đặt số thứ tự bằng phỉnh cho con bạc

khi đặt cược trên chiếu bạc. N10 vào làm phát hỏa tại sông bạc các ngày 13,14,15/6/2022 và được trả công khoảng 3.600.000 đồng. Đến ngày 16/6/2022, N10 tiếp tục đến làm phát hỏa tại ca 2 cho Lâm Thị Thúy A1 có 01 cây bão nên N10 được A1 trả công 500.000 đồng, ca 3 làm phát hỏa cho Tô Minh T1 có 01 cây bão được T1 trả công 500.000 đồng, ca 4 làm phát hỏa cho Thuý An, chưa được cây bão nào thì Công an bắt quả tang.

3/ Bùi Công L8: Lập biết Thân Công Thành và Phạm Đại D2 có mở sông bạc tại ấp C, xã Q nên xin vào làm phát hỏa cho con bạc tại sông tài xỉu và không được hứa hẹn trả công gì. Lập vào làm tại sông bạc được 03 ngày, đến ngày 16/6/2022 tiếp tục đến làm phát hỏa, cụ thể:

Ca 1: Lập hùn với Giang Phúc B số tiền 10.000.000 đồng và cho B mượn 40.000.000 đồng để B làm cái chung; sau đó, L8 làm phát hỏa cho B, có 01 cây bão nên L8 được trả công 200.000 đồng.

Ca 2: Lập làm phát hỏa cho Lâm Thị Thúy A1, có 01 cây bão được A1 trả công 500.000 đồng.

Ca 3: Lập nghỉ, không tham gia.

Ca 4: Lập làm phát hỏa cho Thúy A1, khi đang làm phát hỏa chưa được cây bão nào thì bị bắt quả tang.

4/ Trịnh Tiến D: Được Bùi Công L8 rủ lên làm tại sông bạc ở ấp C, xã Q thì D tự đi đến làm phát hỏa cho con bạc tại sông tài xỉu. Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 16/6/2022, D đi đến sông bạc, đến ca 2 do Lâm Thị Thúy A1 làm cái thì A1 kêu D vào làm phát hỏa cùng với Bùi Công L8 và Võ Quang N10 được 01 ván bão, A1 trả công cho D 500.000 đồng. Đến ca 4, A1 tiếp tục làm cái và kêu D làm phát hỏa cùng với L8 và N10. A1 lắc được khoảng 07 ván, chưa bão ván nào thì Công an vào bắt quả tang.

5/ Bùi Thị Thanh V: Khoảng 15 giờ ngày 16/6/2022, V đi đến sông bạc, vào chơi tài xỉu. V đem theo 500.000 đồng, hùn với Trần Thị T3 mỗi người 500.000 đồng để đánh bạc. Tham gia ván quả tang đặt 200.000 đồng bên tài, khi nhà cái mở chén xô tài, nhóm phát hỏa chưa kịp chung tiền thì Công an ập vào bắt quả tang. Số tiền 200.000 đồng đặt cược bị thu giữ chung trên chiếu bạc, 800.000 đồng còn lại V làm rút khi bỏ chạy.

6/ Trần Thị T3: Khoảng 14 giờ 40 phút ngày 16/6/2022, T3 đi đến sông bạc, vào chơi bên sông tài xỉu. T3 đem theo 1.000.000 đồng, hùn với Bùi Thị Thanh V mỗi người 500.000 đồng để đánh bạc. Ván quả tang, V đặt 200.000 đồng bên tài, sau đó T3 đứng phía sau nên có lấy thêm 200.000 đồng định đưa cho V nhờ đặt riêng cho mình bên tài nhưng V không nhận, khi nhà cái mở chén xô tài, nhóm phát hỏa chưa kịp chung tiền thì Công an bắt quả tang. Số tiền còn lại T3 làm rút khi bỏ chạy.

7/ Phạm Ngọc T4: Vào khoảng 13 giờ ngày 16/6/2022, T4 đi đến sông bạc, vào chơi tài xỉu. T4 đem theo 15.000.000 đồng, sử dụng 3.000.000 đồng để chơi đánh bạc. T4 Tham gia nhiều ván, mỗi ván đặt từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng, có ăn có thua. Ván quả tang đặt 500.000 đồng bên xỉu thì thua, phát hỏa đang thu tiền, dự

định chơi ván tiếp theo thì Công an bắt quả tang, bị thu giữ 3.500.000 đồng dùng đánh bạc.

8/ Trần Văn H1: Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 16/6/2022, H1 đi đến sông bạc, vào chơi tài xỉu. Hai đem theo 105.400.000 đồng, dùng 5.400.000 đồng để đánh bạc, nhờ Bùi Công L8 giữ giùm 100.000.000 đồng. Tham gia 02 ván mỗi ván 500.000 đồng và thắng được 1.000.000 đồng. Ván quả tang Hai đặt 500.000 đồng bên tài thì thắng, phát hỏa vừa chung tiền thì Công an bắt quả tang. Số tiền 500.000 đồng đặt cược và thắng cược bị thu giữ chung trên chiếu bạc. Bị thu giữ số tiền 6.400.000 đồng dùng đánh bạc.

9/ Võ Thành N: Khoảng 12 giờ 45 phút ngày 16/6/2022, N đi đến sông bạc, vào chơi tài xỉu. N đem theo 13.000.000 đồng dùng đánh bạc. Tham gia khoảng hơn 10 ván và thắng được 2.000.000 đồng. Ván quả tang, N đặt 300.000 đồng bên xỉu bị thua, phát hỏa đang thu tiền thì Công an bắt quả tang. Bị thu giữ số tiền 4.200.000 đồng dùng đánh bạc.

10/ Đoàn Ngọc T5: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 16/6/2022, T5 đi đến sông bạc, vào chơi tài xỉu. T5 đem theo 22.900.000 đồng, sử dụng 1.500.000 đồng dùng đánh bạc. Tham gia 02 ván, ván đầu đặt 300.000 đồng bị thua. Ván thứ 2 đặt 500.000 đồng bên tài thì thắng, phát hỏa chưa kịp chung tiền thì Công an bắt quả tang. Số tiền 500.000 đồng bị thu giữ chung trên chiếu bạc. Bị thu giữ trong người số tiền 700.000 đồng dùng đánh bạc.

11/ Phan Kim T6: Khoảng 14 giờ 10 phút ngày 16/6/2022, T6 đi đến sông bạc, vào chơi tài xỉu. T6 đem theo 9.500.000 đồng, sử dụng 2.000.000 đồng để đánh bạc. Tham gia chơi khoảng 08 ván, có ăn có thua. Ván quả tang T6 đặt 700.000 đồng bên xỉu bị thua, phát hỏa đang thu tiền thì Công an bắt quả tang. Số tiền 700.000 đồng thu giữ chung trên chiếu bạc. Bị thu giữ trong người số tiền 3.000.000 đồng dùng đánh bạc.

12/ Nguyễn Thị Lệ T7: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 16/6/2022, T7 đi đến sông bạc, vào chơi tài xỉu. T7 đem theo 500.000 đồng dùng đánh bạc. Tham gia khoảng 07 ván, mỗi ván đặt 100.000 đồng, có ăn có thua. Ván quả tang T7 đặt 100.000 đồng bên tài thì thắng, phát hỏa chưa kịp chung tiền thì Công an bắt quả tang. Số tiền đánh bạc bị thu giữ chung trên chiếu bạc.

13/ Trần Kim T8: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 16/6/2022, T8 đi đến sông bạc, vào chơi tài xỉu. T8 đem theo 800.000 đồng dùng đánh bạc. Tham gia 02 ván, ván đầu đặt 100.000 đồng ván 2 đặt 200.000 đồng, đều thua. T8 cầm 500.000 đồng trên để đặt ván kế tiếp thì Công an bắt quả tang, thu giữ 500.000 đồng dùng đánh bạc.

14/ Bùi Thanh P1: Khoảng 14 giờ 15 phút ngày 16/6/2022, P1 đi đến sông bạc, vào chơi tài xỉu. P1 đem theo 1.550.000 đồng, dùng 1.400.000 đồng để đánh bạc. Tham gia khoảng 10 ván, mỗi ván đặt từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng, có ăn có thua. Ván quả tang P1 đặt 200.000 đồng bên tài thì thắng, phát hỏa chưa kịp chung tiền thì Công an bắt quả tang. Số tiền đánh bạc bị thu giữ chung trên chiếu bạc.

Tổng số tiền dùng đánh bạc mà các con bạc bị bắt quả tang phải chịu trách nhiệm chung gồm trong ngày 16/6/2022 là: 277.100.000 đồng + 9.500.000 đồng (thu

trên chiếu bạc) + 3.500.000 đồng (tiền của Phạm Ngọc T4 dùng đánh bạc) + 6.400.000 đồng (tiền của Trần Văn H1 dùng đánh bạc) + 4.200.000 đồng (tiền của Võ Thành N dùng đánh bạc) + 700.000 đồng (tiền của Đoàn Ngọc T5 dùng đánh bạc) + 3.000.000 đồng (tiền của Phan Kim T6 dùng đánh bạc) + 500.000 đồng (tiền của Trần Kim T8 dùng đánh bạc) = 304.900.000 đồng.

*** Ngoài ra, các đối tượng tham gia trước độ quả tang gồm:**

1/ Tô Minh T1: Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 16/6/2022, T1 được Bùi Công K1 rủ đến sông bạc để chơi lắc tài xỉu ăn tiền. Khi đến sông bạc, T1 mang theo 226.700.000 đồng, sử dụng 220.000.000 đồng để làm cái. T1 làm cái ca 3, nhờ Võ Quang N10, T2 và N13 (không rõ lai lịch) làm phát hỏa, khi lắc có khoảng hơn 10 người đặt cược bên trong sông. Trung bình mỗi lần lắc, tay con đặt cược tổng số tiền hơn 10.000.000 đồng, lắc được khoảng 10 lần hơn thì bị thua số tiền 220.000.000 đồng. T1 hết tiền thì Thúy A1 vào lắc cái thế nên đứng ở ngoài xem thì bị công an ập vào bắt mời về làm việc.

2/ Nguyễn Thanh D1: Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 16/6/2022, D1 đi đến sông bạc, vào chơi tài xỉu khi A1 đang làm cái, đem theo 16.200.000 đồng, sử dụng 4.000.000 đồng để chơi đánh bạc. Tham gia 02 ván mỗi ván đặt 2.000.000 thua 4.000.000 đồng thì dừng chơi tiếp tục đứng xem một lúc thì bị công an ập vào bắt mời về làm việc.

3/ Trần Thị Thảo S6: Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 16/6/2022, S6 đi đến sông bạc, vào chơi tài xỉu, đem theo 4.950.000 đồng, sử dụng 4.000.000 đồng để chơi đánh bạc. Khi Tô Minh T1 làm cái, S6 tham gia khoảng 14 ván mỗi ván đặt 500.000 đồng thì thua hết 3.000.000 đồng nên ra ngoài ăn cơm. Một lúc sau, S6 quay lại thấy A1 đang làm cái, đặt 1 ván 500.000 ngàn thì thua, S6 không tiếp tục chơi mà đứng xem khoảng 03 ván nữa thì bị công an ập vào bắt mời về làm việc.

4/ Nguyễn Thanh X1: Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 16/6/2022, X1 đi đến sông bạc, vào chơi tài xỉu, đem theo 1.900.000 đồng chơi đánh bạc. Khi A1 đang làm cái thì X1 vào tham gia 04 ván, mỗi ván 500.000 đồng thì thua hết tiền, đứng lại xem một lúc nữa thì bị công an ập vào bắt mời về làm việc.

5/ Nguyễn Thị Hồng T37: Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 16/6/2022, T37 đi đến sông bạc, vào chơi tài xỉu, đem theo 350.000 đồng chơi đánh bạc. Tham gia 03 ván, mỗi ván đặt 100.000 đồng thua hết 100.000 thì ra ngoài ăn uống thì bị công an ập vào bắt mời về làm việc.

6/ Huỳnh Thị Kim H16: Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 16/6/2022, H16 đi đến sông bạc, vào chơi tài xỉu, đem theo 800.000 đồng chơi đánh bạc. Tham gia được 08 ván, đặt mỗi ván từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng thua hết tiền ngồi lại xem thì bị công an ập vào bắt mời về làm việc.

7/ Vũ Thị Ngọc T40: Vào khoảng 14 giờ 45 phút ngày 16/6/2022, T40 đi đến sông bạc, vào chơi tài xỉu, đem theo 1.200.000 đồng chơi đánh bạc. Tham gia được 04 ván, đặt mỗi ván 200.000 đồng, thua hết 800.000 thì nghỉ đứng xem thêm 03 ván thì bị công an ập vào bắt mời về làm việc.

8/ Võ Thị H3: Vào khoảng 14 giờ 25 phút ngày 16/6/2022, H3 đi đến sông bạc, vào chơi tài xỉu, đem theo 530.000 đồng chơi đánh bạc. Tham gia được 05 ván, đặt mỗi ván 100.000 đồng thì thua hết tiền, còn 30.000 đồng dùng mua nước để ngồi xem tiếp thì bị công an ập vào bắt mời về làm việc.

9/ Nguyễn Thị Hồng N12: Vào khoảng 14 giờ ngày 16/6/2022, N12 đi đến sông bạc, vào chơi tài xỉu, đem theo 4.000.000 đồng, dùng 200.000 đồng để đánh bạc, số tiền còn lại để đi khám thai. Tham gia 01 ván với số tiền 200.000 đồng khi A1 làm cái và thắng được 200.000 đồng. Nguyệt nghỉ chơi, ra lấy nước uống và ngồi nghỉ một lúc thì bị công an ập vào bắt mời về làm việc.

10/ Bùi Thị Kim H4: Vào khoảng 13 giờ 10 phút ngày 16/6/2022, H4 đi đến sông bạc, vào chơi tài xỉu, đem theo 4.000.000 đồng chơi đánh bạc. Tham gia nhiều ván, đặt mỗi ván 500.000 đồng khi A1 làm cái và thua hết 3.000.000 thì nghỉ, ra ngoài ngồi uống nước và bấm điện thoại thì bị công an ập vào bắt mời về làm việc. Số tiền 1.000.000 đồng và điện thoại khi bị công an ập vào kiểm tra thì bỏ chạy và quãng ở đâu không rõ.

11/ Giang Phúc B: Vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 16/6/2022, B đi đến sông bạc, vào chơi tài xỉu. Đem theo khoảng 42.000.000 đồng. Đến khoảng 11 giờ 30 phút, Thân Công T11 gọi vào làm cái tài xỉu, cho Bùi Công L8 hùn 10.000.000 đồng và mượn Lập 40.000.000 đồng để làm cái, quy định mỗi ván phải đặt từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 mới lặc. Lặc đến 12 giờ 15 phút thì thua hết tiền nên nghỉ, đến khoảng 14 giờ 30 phút, khi Lâm Thị Thúy A1 làm cái có tham gia 02 ván một ván đặt 1.000.000 đồng thua, ván thứ 02 đặt 2.000.000 đồng thì thắng, sau đó ra ngoài lấy nước uống một lúc thì bị công an ập vào bắt mời về làm việc.

12/ Nguyễn Văn H: Do không có việc làm, H biết sông bạc do Thân Công T11 và Phạm Đại D2 mở nên xin đến làm phát hỏa cho các con bạc tại sông tài xỉu, công việc của H là phụ nhà cái chung chi tiền trên chiếu bạc. H làm tại sông bạc được 2 ngày, đến ngày 16/6/2022 tiếp tục làm phát hỏa, cụ thể: Ca 1 làm phát hỏa cho G, có 01 cây bảo được thưởng 250.000 đồng. Các ca tiếp theo thì nhà cái không kêu vào làm nên H đi ra gần đó để ăn uống hết 50.000 đồng sau đó quay về nhà khoảng 15 phút sau quay lại sông bạc thì bị công an ập vào bắt quả tang mời về làm việc.

13/ Lê Duy N14: Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 16/6/2022, N14 đi đến sông bạc, vào chơi tài xỉu. Mang theo 11.500.000 đồng, sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc. Tại ca 2 do Thúy A1 làm cái tham gia 20 ván mỗi ván đặt 500.000 đồng, có ăn có thua và ăn được 1.000.000 đồng sau đó ra đứng ngoài xem đến ca 4 thì bị công an ập vào bắt, sau đó N14 đã trốn và bị Cơ quan điều tra truy nã.

14/ Huỳnh Thế T2: Do không có việc làm, thấy gần nhà có sông bạc do Thân Công T11 và Phạm Đại D2 mở nên đến làm phát hỏa cho các con bạc tại sông tài xỉu và không được hứa hẹn trả công gì. Công việc của T2 là phụ nhà cái chung, chi tiền trên chiếu bạc, quản lý, đặt số thứ tự bằng phỉnh cho con bạc khi đặt cược trên chiếu bạc. T2 vào làm tại sông bạc được 03 ngày, đến ngày 16/6/2022 tiếp tục đến làm phát hỏa, cụ thể: Ca 1 làm phát hỏa cho G, có 01 cây bảo được thưởng 200.000 đồng. Các ca tiếp theo thì nhà cái không kêu vào làm nên T2 đi về nhà sau đó quay lại sông bạc thì bị Công an ập vào bắt quả tang mời về làm việc.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 177/2026/HSST ngày 26/03/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 10 Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 322; điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 35, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Thân Công T 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày vào chấp hành án (được trừ vào thời hạn tạm giữ từ ngày 16/6/2022 đến ngày 14/9/2022).

Buộc bị cáo nộp phạt bổ sung số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 35, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Kim P 05 (năm) năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/6/2022.

Buộc bị cáo nộp phạt bổ sung số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

3. Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 35, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Giang Phúc B 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/6/2022.

Buộc bị cáo nộp phạt bổ sung số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

4. Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 35, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Tô Minh T1 04 (bốn) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày vào chấp hành án.

Buộc bị cáo nộp phạt bổ sung số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

5. Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 35, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thế T2 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày vào chấp hành án.

Buộc bị cáo nộp phạt bổ sung số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

6. Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 35, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày vào chấp hành án.

Buộc bị cáo nộp phạt bổ sung số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

7. Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 35, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trịnh Tiến D 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/6/2022.

Buộc bị cáo nộp phạt bổ sung số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

8. Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Điều 17, Điều 35, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Võ Thành N 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày vào chấp hành án.

Buộc bị cáo nộp phạt bổ sung số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

9. Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 35, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trần Văn H1 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày vào chấp hành án.

Buộc bị cáo nộp phạt bổ sung số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

10. Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 35, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Phan Kim T6 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày vào chấp hành án.

Buộc bị cáo nộp phạt bổ sung số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

11. Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 35, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Đoàn Ngọc T5 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày vào chấp hành án.

Buộc bị cáo nộp phạt bổ sung số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

12. Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 35, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Bùi Thanh P1 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày vào chấp hành án (được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/6/2022 đến ngày 26/6/2022).

Buộc bị cáo nộp phạt bổ sung số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

13. Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 35, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Bùi Thị Thanh V 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày vào chấp hành án.

Buộc bị cáo nộp phạt bổ sung số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

14. Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trần Thị T3 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày vào chấp hành án.

Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

15. Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 35, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T4 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày vào chấp hành án.

Buộc bị cáo nộp phạt bổ sung số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

16. Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 35, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Lệ T7 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày vào chấp hành án (được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/6/2022 đến ngày 14/9/2022).

Buộc bị cáo nộp phạt bổ sung số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

17. Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 35, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trần Kim T8 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày vào chấp hành án (được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/6/2022 đến ngày 14/9/2022).

Buộc bị cáo nộp phạt bổ sung số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

18. Căn cứ vào điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 35, Điều 38, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Bùi Thị Kim H4 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt vào chấp hành án.

Buộc bị cáo nộp phạt bổ sung số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

19. Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 35, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Võ Thị H3 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt vào chấp hành án .

Buộc bị cáo nộp phạt bổ sung số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

20. Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 35, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh D1 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt vào chấp hành án .

Buộc bị cáo nộp phạt bổ sung số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

21. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 35, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trần Xíu N1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày vào chấp hành án.

Buộc bị cáo nộp phạt bổ sung số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

22. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 35, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Cao Hoài T10 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh

bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày vào chấp hành án.

Buộc bị cáo nộp phạt bổ sung số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

23. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 35, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H2 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày vào chấp hành án.

Buộc bị cáo nộp phạt bổ sung số tiền 10.000.000 (mười) triệu đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

24. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 35, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trương Thế V1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày vào chấp hành án.

Buộc bị cáo nộp phạt bổ sung số tiền 10.000.000 (mười) triệu đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

25. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 35, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh T9 01 (một) năm 05 (năm) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày vào chấp hành án.

Buộc bị cáo nộp phạt bổ sung số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

26. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 35, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Phạm Minh K 01 (một) năm 03 (ba) tháng về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày vào chấp hành án.

Buộc bị cáo nộp phạt bổ sung số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

27. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 35, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Đặng Đình N2 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính ngày bắt vào chấp hành án.

Buộc bị cáo nộp phạt bổ sung số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với các bị cáo còn lại trong vụ án, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 27/3/2026, bị cáo Nguyễn Kim P kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 01/4/2026, các bị cáo Đặng Đình N2, Huỳnh Thế T2, Nguyễn Thị Thanh T9, Nguyễn Thanh D1, Bùi Thanh P1, Trần Văn H1, Võ Thành N, Nguyễn Văn H, Trần Kim T8, Bùi Thị Thanh V, Trần Thị T3, Tô Minh T1, Trần Xiu N1, Đoàn Ngọc T5, Trương Thế V1, Nguyễn Thị Lệ T7, Thân Công T và Phạm Minh K có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 02/4/2026, bị cáo Phạm Ngọc T4 có đơn kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 02/4/2026, bị cáo Phan Kim T6 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 03/4/2026, các bị cáo Nguyễn Văn H2 và Bùi Thị Kim H4 có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 03/4/2026, bị cáo Trịnh Tiến D có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 07/4/2026, bị cáo Cao Hoài T10 có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 09/4/2026, bị cáo Giang Phúc B và Võ Thị H3 có đơn kháng cáo xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ hình phạt hoặc cho được hưởng án treo theo quy định của pháp luật. Riêng bị cáo Thân Công T và bị cáo Nguyễn Văn H2 trình bày kháng cáo bổ sung, trường hợp Hội đồng xét xử không chấp nhận cho bị cáo Thân Công T, bị cáo Nguyễn Văn H2 được hưởng án treo thì đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng công khai, có đủ cơ sở xác định Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Mức hình phạt mà Bản án hình sự sơ thẩm số 177/2026/HS-ST ngày 26/3/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 10 Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên đối với từng bị cáo đã xem xét đầy đủ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, vai trò của từng bị cáo trong vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo; nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt hoặc xin hưởng án treo của các bị cáo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 177/2026/HS-ST ngày 26/3/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 10 Thành phố Hồ Chí Minh.

Luật sư Trần Xuân M7 bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H2 trình bày: Luật sư thống nhất với nội dung Bản án sơ thẩm về tội danh và hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo Nguyễn Văn H2 bị xét xử theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự, bị xử phạt 01 năm 06 tháng tù; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thành

khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm nhiều tình tiết giảm nhẹ mới như: đã tự nguyện nộp xong tiền phạt bổ sung; có trình độ văn hóa thấp, hoàn cảnh gia đình khó khăn; thường xuyên tham gia các hoạt động từ thiện; gia đình có ông cố ngoại là liệt sĩ trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Đây là các tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Văn H2 đồng ý lời bào chữa của Luật sư và không trình bày thêm.

Luật sư Lữ Minh C8 bào chữa cho bị cáo Trần Thị T3 trình bày: Luật sư không có ý kiến về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo. Theo Bản án sơ thẩm, bị cáo Trần Thị T3 bị xử phạt 03 năm tù và được miễn hình phạt bổ sung, tuy nhiên Luật sư cho rằng mức hình phạt là nghiêm khắc. Ngoài tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ khác do bị cáo có trình độ văn hóa thấp (lớp 1/12), nhận thức pháp luật còn hạn chế; gia đình có công với cách mạng, mẹ chồng là Mẹ Việt Nam anh hùng; bị cáo giữ vai trò đồng phạm thứ yếu, không đáng kể trong vụ án, bị cáo chỉ sử dụng số tiền 500.000 đồng để đánh bạc; hiện bị cáo đã 66 tuổi và mắc nhiều bệnh như suy thận, tiểu đường. Luật sư cho rằng bị cáo có đủ điều kiện để được áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo Trần Thị T3 đồng ý lời bào chữa của Luật sư và không trình bày thêm.

Các bị cáo Thân Công T, Nguyễn Kim P, Giang Phúc B, Tô Minh T1, Huỳnh Thế T2, Nguyễn Văn H, Võ Thành N, Trịnh Tiến D, Bùi Thị Thanh V, Phạm Ngọc T4, Trần Văn H1, Đoàn Ngọc T5, Phan Kim T6, Nguyễn Thị Lệ T7, Trần Kim T8, Bùi Thanh P1, Nguyễn Thị Thanh T9, Phạm Minh K, Trần Xứ N1, Cao Hoài T10, Đặng Đình N2, Võ Thị H3, Trương Thế V1, Bùi Thị Kim H4 và Nguyễn Thanh D1 không tranh luận với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo.

Qua đối đáp, Kiểm sát viên và các luật sư, các bị cáo đều giữ nguyên quan điểm đã tranh luận và lời nói sau cùng các bị cáo rất hối hận về hành vi của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Thân Công T, Nguyễn Kim P, Giang Phúc B, Tô Minh T1, Huỳnh Thế T2, Nguyễn Văn H, Võ Thành N, Trịnh Tiến D, Bùi Thị Thanh V, Trần Thị T3, Phạm Ngọc T4, Trần Văn H1, Đoàn Ngọc T5, Phan Kim T6, Nguyễn Thị Lệ T7, Trần Kim T8, Bùi Thanh P1, Nguyễn Thị Thanh T9, Phạm Minh K, Trần Xứ N1, Cao Hoài T10, Nguyễn Văn H2, Đặng Đình N2, Võ Thị H3, Trương Thế V1, Bùi Thị Kim H4 và Nguyễn Thanh D1 được làm trong thời hạn luật định là hợp lệ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp phúc thẩm.

[2] Căn cứ vào lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định:

Từ ngày 13/6/2022 đến ngày 16/6/2022, Thân Công T11 tổ chức sòng bạc tại khu đất gần nhà số C, tổ D, ấp C, xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã H, Thành phố Hồ Chí Minh) để cho nhiều người tham gia đánh bạc bằng hình thức đá gà và lắc tài xỉu được thua bằng tiền nhằm thu lợi bất chính từ tiền xâu. Để duy trì hoạt động của sòng bạc, Thân Công T11 phân công nhiều người thực hiện các công việc như thu tiền xâu, ghi chép sổ sách, làm trọng tài, làm biện, làm phát hỏa, giữ xe, đưa đón người tham gia đánh bạc và phục vụ hoạt động của trường gà, sòng tài xỉu. Trong ngày 16/6/2022, các đối tượng đã tổ chức 09 trận đá gà và 04 ca tài xỉu thì bị lực lượng Công an phát hiện, bắt quả tang.

[2.1] Đối với nhóm đồng phạm giúp sức trong tội "Tổ chức đánh bạc":

Bị cáo Thân Công T11 là người khởi xướng, tổ chức cho nhiều người đánh bạc bằng hình thức đá gà và lắc tài xỉu được thua bằng tiền nhằm thu lợi bất chính từ tiền xâu. Trong quá trình tổ chức đánh bạc, bị cáo Thân Công T11 đã tổ chức cho từ 10 người đánh bạc trở lên trong cùng một thời điểm mà tổng số tiền dùng để đánh bạc từ 5.000.000 đồng trở lên; tổ chức từ 02 chiếu bạc trở lên trong cùng một thời điểm mà tổng số tiền dùng để đánh bạc từ 5.000.000 đồng trở lên; tổng số tiền dùng để đánh bạc trong cùng một lần trị giá từ 20.000.000 đồng trở lên, nên hành vi của bị cáo Thân Công T11 đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tổ chức đánh bạc" theo điểm b khoản 2 Điều 322 Bộ luật Hình sự.

Để thực hiện việc tổ chức đánh bạc, bị cáo Thân Công T11 phân công nhiều người giúp sức. Theo đó, bị cáo Thân Công T (con ruột của bị cáo T11) có nhiệm vụ thu tiền xâu và ghi sổ các trận đá gà; bị cáo Nguyễn Kim P có nhiệm vụ giữ xe, cảnh giới, đưa đón người tham gia đánh bạc. Các bị cáo đã thực hiện các công việc được giao, tạo điều kiện cho bị cáo Thân Công T11 tổ chức hoạt động đánh bạc diễn ra liên tục từ ngày 13/6/2022 đến ngày 16/6/2022.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Thân Công T41 và Nguyễn Kim P6 đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tổ chức đánh bạc" với vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo Thân Công T11 theo điểm b khoản 2 Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[2.2] Đối với nhóm làm cái, làm phát hỏa tại sòng tài xỉu:

Bị cáo Giang Phúc B cùng Bùi Công L8 góp 112.000.000 đồng làm cái trong ca tài xỉu thứ nhất. Bị cáo Tô Minh T1 sử dụng 220.000.000 đồng làm cái trong ca tài xỉu thứ ba, tổng số tiền dùng để đánh bạc trong ca này là 220.000.000 đồng.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Giang P7 Bình³ và Tô Minh T42 đã đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" theo điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Các bị cáo Huỳnh Thế T2, Nguyễn Văn H và Trịnh Tiến D, có hành vi làm phát hỏa, trực tiếp chung, chi tiền cho người thắng trong các ca tài xỉu. Cụ thể, Huỳnh Thế T2 và Nguyễn Văn H làm phát hỏa tại ca tài xỉu thứ nhất do Giang Phúc B cùng Bùi Công L8 làm cái, tổng số tiền dùng để đánh bạc là 112.000.000 đồng, Trịnh Tiến

D làm phát hỏa tại ca tài xỉu thứ hai và ca tài xỉu thứ tư do Lâm Thị Thúy A1 làm cái, có tổng số tiền dùng để đánh bạc lần lượt là 102.000.000 đồng và 304.900.000 đồng.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Huỳnh Thế T43, Nguyễn Văn H17 và Trịnh Tiến D3 đã đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" theo điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 với vai trò là đồng phạm giúp sức

[2.3] Đối với nhóm trực tiếp tham gia đánh bạc bằng hình thức tài xỉu:

Các bị cáo Võ Thành N, Bùi Thị Thanh V, Trần Thị T3, Phạm Ngọc T4, Trần Văn H1, Đoàn Ngọc T5, Phan Kim T6, Nguyễn Thị Lệ T7, Trần Kim T8, Bùi Thanh P1, Võ Thị H3, Bùi Thị Kim H4 và Nguyễn Thanh D1, đã trực tiếp tham gia đánh bạc bằng hình thức tài xỉu tại ca tài xỉu thứ tư do Lâm Thị Thúy A1 làm cái. Khi bị bắt quả tang, tổng số tiền dùng để đánh bạc trong ca tài xỉu này là 304.900.000 đồng.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Võ Thành N15, Bùi Thị Thanh V4, Trần Thị T44, Phạm Ngọc T45, Trần Văn H18, Đoàn Ngọc T46, P, Nguyễn Thị Lệ T47, Trần Kim T48, Bùi Thanh P8, Võ Thị H19, Bùi Thị Kim H20 và Nguyễn Thanh D4 đã đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" theo điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[2.4] Đối với nhóm trực tiếp tham gia đánh bạc bằng hình thức đá gà:

Các bị cáo Nguyễn Thị Thanh T9, Phạm Minh K, Trần Xíu N1, Cao Hoài T10, Nguyễn Văn H2, Đặng Đình N2 và Trương Thế V1, đã trực tiếp tham gia đánh bạc bằng hình thức đá gà được thua bằng tiền tại trường gà do bị cáo Thân Công T11 tổ chức.

Cụ thể, Nguyễn Thị Thanh T9, Phạm Minh K và Trương Thế V1 tham gia cá cược trong trận đá gà thứ hai, có tổng số tiền dùng để đánh bạc là 20.000.000 đồng; Trần Xíu N1 tham gia cá cược trong trận đá gà thứ sáu với số tiền 10.000.000 đồng và tiếp tục tham gia trận đá gà thứ bảy với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 9.500.000 đồng; Cao Hoài T10 tham gia cá cược trong trận đá gà thứ bảy với số tiền 9.500.000 đồng và trận đá gà thứ chín với số tiền 8.500.000 đồng; Nguyễn Văn H2 tham gia cá cược trong trận đá gà thứ chín với số tiền 8.500.000 đồng; Đặng Đình N2 tham gia đá hàng xáo với số tiền 1.700.000 đồng, đồng thời thực hiện việc băng cựa, thả gà phục vụ cho trận đá gà thứ chín.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Nguyễn Thị Thanh T49, Phạm Minh K3, Trần Xíu N, C, Nguyễn Văn H21, Đặng Đình N16 và Trương Thế V5 đã đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo:

[3.1] Về việc áp dụng hình phạt và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của Tòa án cấp sơ thẩm.

Hội đồng xét xử thấy rằng khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò của từng bị cáo trong vụ án và áp

dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự. Cụ thể, tất cả các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với các bị cáo Nguyễn Thị Thanh T9 và Phạm Minh K, cấp sơ thẩm còn áp dụng thêm tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Thân Công T được áp dụng thêm tình tiết tích cực hợp tác với cơ quan điều tra theo điểm t khoản 1 Điều 51 và tình tiết gia đình có công với cách mạng theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, các bị cáo Tô Minh T1, Huỳnh Thế T2, Nguyễn Văn H, Võ Thành N, Trần Văn H1, Trần Thị T3, Nguyễn Thị Lệ T7, Phạm Minh K, Phan Kim T6, Đoàn Ngọc T5, Bùi Thanh P1, Trần Kim T8 và Đặng Đình N2 còn được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ khác theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự

[3.2] Về việc xem xét áp dụng bổ sung tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự

Hội đồng xét xử nhận thấy, đối với các bị cáo Huỳnh Thế T2, Nguyễn Văn H, Võ Thành N, Trần Văn H1, Đoàn Ngọc T5, Bùi Thị Thanh V, Trần Thị T3, Phạm Ngọc T4, Bùi Thị Kim H4, Võ Thị H3 và Nguyễn Thanh D1 phạm tội lần đầu. Còn đối với các bị cáo Phan Kim T6, Nguyễn Thị Lệ T7, Trần Kim T8 và Bùi Thanh P1, mặc dù trước khi thực hiện hành vi phạm tội đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng chưa từng bị kết án, lần đầu bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Trong vụ án, các bị cáo này cũng chỉ tham gia với vai trò thứ yếu, không đáng kể, không phải là người tổ chức, khởi xướng, điều hành hoặc giữ vai trò chính trong vụ án đồng phạm. Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, các bị cáo Huỳnh Thế T2, Nguyễn Văn H, Võ Thành N, Trần Văn H1, Đoàn Ngọc T5, Bùi Thị Thanh V, Trần Thị T3, Phạm Ngọc T4, Bùi Thị Kim H4, Võ Thị H3, Nguyễn Thanh D1, Phan Kim T6, Nguyễn Thị Lệ T7, Trần Kim T8 và Bùi Thanh P1 thuộc trường hợp được áp dụng tình tiết giảm nhẹ “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Riêng đối với bị cáo Đặng Đình N2, mặc dù trước đây đã bị Tòa án kết án về các tội "Cố ý gây thương tích" và "Đánh bạc", tuy nhiên các bản án này đều đã được chấp hành xong và bị cáo đã được xóa án tích theo quy định của Bộ luật Hình sự. Theo Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐTP, trường hợp người trước đó đã bị kết án nhưng đã được xóa án tích vẫn được xác định là phạm tội lần đầu khi đáp ứng các điều kiện theo quy định. Trong vụ án này, bị cáo N2 chỉ tham gia với vai trò thứ yếu, thực hiện việc đá hàng xáo, băng cựa, thả gà theo yêu cầu của những người tham gia đánh bạc, không phải là người tổ chức, cầm đầu hoặc giữ vai trò chính trong vụ án đồng phạm. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ "phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo N2.

[3.3] Về việc xem xét áp dụng bổ sung tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự

Hội đồng xét xử nhận thấy, trong quá trình điều tra, các bị cáo Giang Phúc B, Tô Minh T1, Huỳnh Thế T2 và Nguyễn Văn H không chỉ thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của bản thân mà còn tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra trong việc phát hiện tội phạm. Cụ thể, các bị cáo đã chủ động khai báo, cung cấp thông tin, xác định nhân thân của những người cùng tham gia đánh bạc nhưng đã rời khỏi hiện trường trước thời điểm lực lượng Công an kiểm tra, bắt quả tang, góp phần làm rõ toàn diện vụ án và xử lý đầy đủ những người có liên quan.

Ngoài ra, các bị cáo Bùi Thị Thanh V, Trần Xíu N1, Cao Hoài T10 và Trương Thế V1 cũng đã tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra khi cung cấp thông tin, khai báo làm rõ hành vi của những người cùng tham gia đánh bạc. Cụ thể, bị cáo Bùi Thị Thanh V đã khai báo, giúp Cơ quan điều tra xác định hành vi của Trần Thị Thảo S6; bị cáo Trần Xíu N1 khai báo về hành vi của Trương Hoàng K2; bị cáo Cao Hoài T10 khai báo về hành vi của Nguyễn Văn T35; bị cáo Trương Thế V1 khai báo, cung cấp thông tin về chủ gà, tạo điều kiện thuận lợi cho Cơ quan điều tra làm rõ bản chất vụ án.

Xét thấy, việc các bị cáo nêu trên chủ động cung cấp thông tin, tài liệu, khai báo về hành vi phạm tội của những người cùng tham gia vụ án đã góp phần hỗ trợ Cơ quan điều tra phát hiện tội phạm, xác định đầy đủ những người có liên quan và làm rõ sự thật khách quan của vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án" quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Giang Phúc B, Tô Minh T1, Huỳnh Thế T2, Nguyễn Văn H, Bùi Thị Thanh V, Trần Xíu N1, Cao Hoài T10 và Trương Thế V1.

[3.3] Tại cấp phúc thẩm các bị cáo cung cấp tài liệu, chứng cứ mới, cụ thể như sau:

Bị cáo Huỳnh Thế T2 cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ: Biên lai thể hiện đã hoàn thành việc nộp tiền phạt bổ sung theo bản án sơ thẩm; Hồ sơ khám, điều trị bệnh thể hiện bị cáo mắc bệnh viêm màng não do lao, thường xuyên phải điều trị.

Bị cáo Cao Hoài T10 cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ: Biên lai thể hiện đã hoàn thành việc nộp tiền phạt bổ sung theo bản án sơ thẩm; Tài liệu chứng minh gia đình có công với cách mạng, có bà ngoại được Nhà nước tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Bị cáo Trần Thị T3 cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ: Sổ khám bệnh có thể hiện bị cáo bị mắc nhiều chứng bệnh, đã từng phải nhập viện.

Bị cáo Nguyễn Văn H cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ: Biên lai thể hiện đã hoàn thành việc nộp tiền phạt bổ sung theo bản án sơ thẩm.

Bị cáo Trần Văn H1 cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ: Biên lai thể hiện đã hoàn thành việc nộp tiền phạt bổ sung và án phí theo bản án sơ thẩm; Hồ sơ khám, điều trị bệnh tâm thần phân liệt thể không đặc hiệu (F20.9).

Bị cáo Đoàn Ngọc T5 cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ: Biên lai thể hiện đã hoàn thành việc nộp tiền phạt bổ sung theo bản án sơ thẩm; Giấy ghi nhận công đức

của Chùa P9 tham gia các hoạt động thiện nguyện, ủng hộ vật chất cho bếp ăn từ thiện; Thư cảm ơn của Ủy ban MTTQ Việt Nam xã H đã ủng hộ vào Quỹ vì người nghèo; Có con là Đoàn Minh N17 mắc chứng Rối loạn loạn thần cấp và nhất thời không biệt định.

Bị cáo Phạm Ngọc T4 cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ: Biên lai thể hiện đã hoàn thành việc nộp tiền phạt bổ sung theo bản án sơ thẩm; Giấy xác nhận là lao động chính trong gia đình.

Bị cáo Bùi Thị Kim H4 cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ: Giấy xác nhận thể hiện bị cáo mắc chứng rối loạn hỗn hợp lo âu và trầm cảm.

Bị cáo Nguyễn Thanh D1 cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ: Biên lai thể hiện đã hoàn thành việc nộp tiền phạt bổ sung theo bản án sơ thẩm.

Bị cáo Trương Thế V1 cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ: Biên lai thể hiện đã hoàn thành việc nộp tiền phạt bổ sung theo bản án sơ thẩm; Giấy xác nhận là lao động chính trong gia đình.

Bị cáo Phạm Minh K cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ: Biên lai thể hiện đã hoàn thành việc nộp tiền phạt bổ sung theo bản án sơ thẩm; Giấy xác nhận là lao động chính trong gia đình; Giấy khen có thành tích tốt trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc năm 2024.

Bị cáo Đặng Đình N2 cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ: Biên lai thể hiện đã hoàn thành việc nộp tiền phạt bổ sung theo bản án sơ thẩm; Giấy xác nhận là lao động chính trong gia đình.

Bị cáo Trần Xíu N1 cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ: Biên lai thể hiện đã hoàn thành việc nộp tiền phạt bổ sung theo bản án sơ thẩm.

Bị cáo Thân Công T cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ: Biên lai thể hiện đã hoàn thành việc nộp tiền phạt bổ sung theo bản án sơ thẩm.

Bị cáo Phan Kim Thủy cung C9 thêm tài liệu, chứng cứ: Biên lai thể hiện đã hoàn thành việc nộp tiền phạt bổ sung theo bản án sơ thẩm; có bà ngoại là Lê Thị N18 được tặng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng ba.

Bị cáo Nguyễn Văn H2 cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ: Biên lai thể hiện đã hoàn thành việc nộp tiền phạt bổ sung theo bản án sơ thẩm; Giấy Tri ân công đức đã phát tâm ủng hộ trẻ mồ côi tại Mái ấm an lạc Chùa P10; có tài liệu chứng minh ông ngoại Nguyễn Văn Đ3 là liệt sĩ, người có công với Cách M9.

Bị cáo Bùi Thanh P1 cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ: Biên lai thể hiện đã hoàn thành việc nộp tiền phạt bổ sung theo bản án sơ thẩm.

Bị cáo Giang Phúc B cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ: Biên lai thể hiện đã hoàn thành việc nộp tiền phạt bổ sung theo bản án sơ thẩm; Giấy xác nhận là lao động chính trong gia đình.

Bị cáo Nguyễn Thị Lệ T7 cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ: Biên lai thể hiện đã hoàn thành việc nộp tiền phạt bổ sung theo bản án sơ thẩm.

Bị cáo Trần Kim T8 cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ: Biên lai thể hiện đã hoàn thành việc nộp tiền phạt bổ sung theo bản án sơ thẩm.

Bị cáo Tô Minh T1 cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ: Giấy khen đã có thành tích tốt giác, tích cực tham gia đấu tranh truy bắt tội phạm trên địa bàn xã năm 2024 do Chủ tịch UBND xã H trao tặng.

Bị cáo Nguyễn Thị Thanh T9 cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ: Giấy xác nhận là mẹ đơn thân, lao động chính trong gia đình.

Đây là các tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần được xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo nêu trên.

[3.4] Qua xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ mới được bổ sung tại giai đoạn phúc thẩm, cùng với tính chất, mức độ tham gia phạm tội và nhân thân của từng bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.4.1] Bị cáo Thân Công T là con ruột của bị cáo Thân Công T11, là người giữ vai trò tổ chức trong vụ án. Quá trình thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo thực hiện theo sự phân công, chỉ đạo của cha và có tính chất lệ thuộc. Bị cáo là người giúp sức trực tiếp cho bị cáo Thân Công T11 trong việc tổ chức đánh bạc, được giao thực hiện việc thu tiền xâu, ghi chép các trận đá gà, tham gia thường xuyên, liên tục trong quá trình tổ chức đánh bạc nên mức độ tham gia thuộc trường hợp đồng phạm có vai trò đáng kể. Do đó, không có căn cứ áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự để cho bị cáo được hưởng án treo. Tuy nhiên, xét thấy cấp sơ thẩm, bị cáo đã được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo còn bổ sung thêm tình tiết giảm nhẹ mới theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo T.

[3.4.2] Bị cáo Nguyễn Văn H2 mặc dù chỉ tham gia vụ án với vai trò giúp sức, mức độ tham gia không đáng kể. Tuy nhiên, bị cáo đã có tiền án, chưa được xóa án tích mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nên thuộc trường hợp tái phạm. Do đó, bị cáo không đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định của Điều 65 Bộ luật Hình sự. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo có cung cấp thêm tài liệu chứng minh ông ngoại là liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng; bản thân có quá trình tham gia hoạt động thiện nguyện và đã tự nguyện thi hành phần hình phạt bổ sung theo Bản án sơ thẩm. Ngoài ra, bị cáo còn được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ mới, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo H2.

[3.4.3] Bị cáo Nguyễn Kim P là người giúp sức tích cực cho bị cáo Thân Công T11 trong việc tổ chức đánh bạc, được phân công giữ xe, cảnh giới và đưa đón người tham gia đánh bạc, góp phần duy trì hoạt động của trường gà. Vai trò của bị cáo không phải là thứ yếu, mức độ tham gia đáng kể trong vụ án đồng phạm. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới

để làm căn cứ xem xét giảm nhẹ hình phạt. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo P.

[3.4.4] Bị cáo Giang Phúc B cùng Bùi Công L8 sử dụng 112.000.000 đồng làm cái trong ca tài xỉu thứ nhất, giữ vai trò chính trong sòng tài xỉu, số tiền dùng đánh bạc rất lớn, thể hiện mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội cao hơn các bị cáo khác. Mặc dù bị cáo có bổ sung thêm tình tiết giảm nhẹ tại cấp phúc thẩm, nhưng các tình tiết này chưa đủ làm thay đổi tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và vai trò của bị cáo trong vụ án. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của bị cáo.

[3.4.5] Bị cáo Tô Minh T1 sử dụng 220.000.000 đồng làm cái trong ca tài xỉu thứ ba, là người giữ vai trò chính trong sòng tài xỉu, số tiền dùng đánh bạc đặc biệt lớn. Mặc dù bị cáo có bổ sung thêm tình tiết giảm nhẹ tại cấp phúc thẩm, nhưng xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, không đủ điều kiện được hưởng án treo theo Điều 65 Bộ luật Hình sự, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo.

[3.4.6] Bị cáo Trịnh Tiến D tham gia vụ án với vai trò giúp sức, thực hiện việc chia bài, phát hỏa trong các ca tài xỉu và phạm tội 02 lần. Tại cấp sơ thẩm, bị cáo đã được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo tiếp tục thể hiện thái độ thành khẩn, ăn năn hối cải và bổ sung thêm tình tiết giảm nhẹ mới theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới, trong khi vai trò của bị cáo là người giúp sức, không phải người tổ chức, cầm đầu hay hưởng lợi chính trong vụ án, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo, đồng thời vẫn bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật và yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm.

[3.4.7] Bị cáo Võ Thành N trực tiếp tham gia 10 ván tài xỉu, thể hiện việc tham gia đánh bạc liên tục, không mang tính nhất thời. Mặc dù được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nhưng xét số lần tham gia đánh bạc và mức độ lỗi của bị cáo, chưa đủ căn cứ xác định không cần thiết phải buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo.

[3.4.8] Bị cáo Phan Kim T6 trước đây đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, trong vụ án còn trực tiếp tham gia 08 ván tài xỉu, thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Mặc dù tại cấp phúc thẩm bị cáo có bổ sung thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nhưng chưa đủ căn cứ để xem xét giảm nhẹ thêm hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[3.4.9] Các bị cáo Bùi Thanh P1, Nguyễn Thị Lệ T7 và Trần Kim T8, đều có nhân thân xấu do trước đây đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc. Trong vụ án này, bị cáo Bùi Thanh P1 trực tiếp tham gia 10 ván tài xỉu, bị cáo Nguyễn Thị Lệ T7 trực tiếp tham gia 07 ván tài xỉu; đối với bị cáo Trần Kim T8, mặc dù lần phạm tội này thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo đều được bổ sung thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, xét nhân thân, tính chất, mức độ tham gia phạm tội của từng bị cáo, Hội đồng xét xử

thấy không đủ điều kiện áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo.

[3.4.10] Bị cáo Võ Thị H3 sau khi kháng cáo đã không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, có dấu hiệu rời khỏi nơi cư trú mà không thông báo cho cơ quan có thẩm quyền. Hành vi này thể hiện ý thức chấp hành pháp luật chưa nghiêm, không bảo đảm điều kiện để giao cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo H3.

[3.4.11] Bị cáo Nguyễn Thị Thanh T9 tham gia đánh bạc với số tiền lớn, đồng thời là chủ độ gà thứ hai, giữ vai trò chính trong hành vi đánh bạc. Mặc dù bị cáo có bổ sung thêm tình tiết giảm nhẹ tại cấp phúc thẩm, nhưng xét vai trò, tính chất và mức độ tham gia phạm tội của bị cáo, việc cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian vẫn là cần thiết nhằm bảo đảm tính răn đe và phòng ngừa chung. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo.

[3.4.12] Đối với các bị cáo Huỳnh Thế T2, Nguyễn Văn H, Trần Văn H1, Đoàn Ngọc T5, Bùi Thị Thanh V, Trần Thị T3, Phạm Ngọc T4, Bùi Thị Kim H4, Nguyễn Thanh D1, Trần Xíu N1, Cao Hoài T10, Trương Thế V1, Phạm Minh K và Đặng Đình N2, Hội đồng xét xử xét thấy, ngoài các tình tiết giảm nhẹ đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng, các bị cáo Huỳnh Thế T2, Nguyễn Văn H, Trần Văn H1, Đoàn Ngọc T5, Bùi Thị Thanh V, Trần Thị T3, Phạm Ngọc T4, Bùi Thị Kim H4, Nguyễn Thanh D1 và Đặng Đình N2 còn được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ "phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐTP. Riêng các bị cáo Huỳnh Thế T2, Nguyễn Văn H, Cao Hoài T10, Trần Xíu N1 và Trương Thế V1 còn được áp dụng tình tiết giảm nhẹ "người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án" quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, các bị cáo còn cung cấp nhiều tình tiết giảm nhẹ mới theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự tại giai đoạn xét xử phúc thẩm. Đối với bị cáo Đoàn Ngọc T5 đã từng phạm tội với lỗi vô ý và bị cáo Đặng Đình N2, mặc dù trước đây đã từng bị kết án nhưng đều đã được xóa án tích; lần phạm tội này được xác định là phạm tội lần đầu theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐTP.

Xét các bị cáo có nhân thân tốt hoặc đã được xác định là phạm tội lần đầu theo quy định của pháp luật; có từ 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trở lên; có khả năng tự cải tạo và có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Từ khi được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, các bị cáo đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật và chấp hành tốt lệnh triệu tập của cơ quan tiến hành tố tụng. Việc bắt giam các bị cáo là không cần thiết, nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự, chấp nhận cho các bị cáo Huỳnh Thế T2, Nguyễn Văn H, Trần Văn H1, Đoàn Ngọc T5, Bùi Thị Thanh V, Trần Thị T3, Phạm Ngọc T4, Bùi Thị Kim H4, Nguyễn Thanh D1, Trần Xíu N1, Cao Hoài T10, Trương Thế V1, Phạm Minh K và Đặng Đình N2 được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về án phí:

Do kháng cáo của các bị cáo Thân Công T, Nguyễn Văn H2, Trịnh Tiến D, Huỳnh Thế T2, Nguyễn Văn H, Trần Văn H1, Đoàn Ngọc T5, Bùi Thị Thanh V, Trần Thị T3, Phạm Ngọc T4, Bùi Thị Kim H4, Nguyễn Thanh D1, Trần Xíu N1, Cao Hoài T10, Trương Thế V1, Phạm Minh K và Đặng Đình N2 được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Nguyễn Kim P, Giang Phúc B, Tô Minh T1, Võ Thành N, Phan Kim T6, Bùi Thanh P1, Nguyễn Thị Lệ T7, Trần Kim T8, Võ Thị H3 và Nguyễn Thị Thanh T9 có kháng cáo không được chấp nhận nên mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1.1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Kim P, Giang Phúc B, Tô Minh T1, Võ Thành N, Phan Kim T6, Bùi Thanh P1, Nguyễn Thị Lệ T7, Trần Kim T8, Võ Thị H3 và Nguyễn Thị Thanh T9; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 177/2026/HS-ST ngày 26 tháng 03 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 10 Thành phố Hồ Chí Minh đối với các bị cáo nêu trên.

1.2. Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Thân Công T, Nguyễn Văn H2, Trịnh Tiến D, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 177/2026/HS-ST ngày 26 tháng 03 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 10 Thành phố Hồ Chí Minh đối với các bị cáo Thân Công T, Nguyễn Văn H2, Trịnh Tiến D.

1.3. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Huỳnh Thế T2, Nguyễn Văn H, Trần Văn H1, Đoàn Ngọc T5, Bùi Thị Thanh V, Trần Thị T3, Phạm Ngọc T4, Bùi Thị Kim H4, Nguyễn Thanh D1, Trần Xíu N1, Cao Hoài T10, Trương Thế V1, Phạm Minh K và Đặng Đình N2; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 177/2026/HS-ST ngày 26 tháng 03 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 10 Thành phố Hồ Chí Minh đối với các bị cáo nêu trên.

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 35; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Kim P** 05 (năm) năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/6/2022.

Buộc bị cáo nộp phạt bổ sung số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

2.2. Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Giang Phúc B 03** (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày vào chấp hành án.

Ghi nhận bị cáo Giang Phúc B đã nộp số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng theo biên lai thu tiền số 0001017 ngày 15/07/2026 tại Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

2.3. Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Tô Minh T1 04** (bốn) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày vào chấp hành án.

Buộc bị cáo nộp phạt bổ sung số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

2.4. Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Võ Thành N 03** (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày vào chấp hành án.

Buộc bị cáo nộp phạt bổ sung số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

2.5. Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Phan Kim T6 03** (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày vào chấp hành án.

Ghi nhận bị cáo Phan Kim T6 đã nộp số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng theo biên lai thu tiền số 0012872 ngày 24/6/2026 tại Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

2.6. Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Bùi Thanh P1 03** (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày vào chấp hành án (được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/6/2022 đến ngày 26/6/2022).

Ghi nhận bị cáo Bùi Thanh P1 đã nộp số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng theo biên lai thu tiền số 0012781 ngày 23/6/2026 tại Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

2.7. Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Lệ T7** 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày vào chấp hành án (được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/6/2022 đến ngày 14/9/2022).

Ghi nhận bị cáo Nguyễn Thị Lệ T7 đã nộp số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng theo biên lai thu tiền số 0013009 ngày 25/6/2026 tại Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

2.8. Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Trần Kim T8** 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày vào chấp hành án (được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/6/2022 đến ngày 14/9/2022).

Ghi nhận bị cáo Trần Kim T8 đã nộp số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng theo biên lai thu tiền số 0012995 ngày 25/6/2026 tại Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

2.9. Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Võ Thị H3** 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt vào chấp hành án .

Buộc bị cáo nộp phạt bổ sung số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

2.10. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Thanh T9** 01 (một) năm 05 (năm) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày vào chấp hành án.

Buộc bị cáo nộp phạt bổ sung số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

2.11. Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 322; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 35; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Thân Công T** 05 (năm) năm tù về tội "Tổ chức đánh bạc". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày vào chấp hành án (được trừ vào thời hạn tạm giữ từ ngày 16/6/2022 đến ngày 14/9/2022).

Ghi nhận bị cáo Thân Công T đã nộp số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng theo biên lai thu tiền số 0012899 ngày 24/6/2026 tại Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

2.12. Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 35; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Trịnh Tiến D** 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/6/2022.

Buộc bị cáo nộp phạt bổ sung số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

2.13. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 35; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H2** 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày vào chấp hành án.

Ghi nhận bị cáo Nguyễn Văn H2 đã nộp số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng theo biên lai thu tiền số 0011038 ngày 05/6/2026 tại Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

2.14. Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm i, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Huỳnh Thế T2** 03 (ba) năm tù về tội "Đánh bạc" nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Ghi nhận bị cáo Huỳnh Thế T2 đã nộp số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng theo biên lai thu tiền số 0000840 ngày 13/7/2026 tại Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Giao bị cáo Huỳnh Thế T2 cho Ủy ban nhân dân xã H, Thành phố Hồ Chí Minh quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 87 của Luật Thi hành án hình sự năm 2025.

2.15. Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm i, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H** 03 (ba) năm tù về tội "Đánh bạc" nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Ghi nhận bị cáo Nguyễn Văn H đã nộp số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng theo biên lai thu tiền số 0012440 ngày 17/6/2026 tại Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Giao bị cáo Nguyễn Văn H cho Ủy ban nhân dân xã H, Thành phố Hồ Chí Minh quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 87 của Luật Thi hành án hình sự năm 2025.

2.16. Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Trần Văn H1** 03 (ba) năm tù về tội "Đánh bạc" nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Ghi nhận bị cáo Trần Văn H1 đã nộp số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng theo biên lai thu tiền số 0012870 ngày 24/6/2026 tại Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Giao bị cáo Trần Văn H1 cho Ủy ban nhân dân xã H, Thành phố Hồ Chí Minh quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 87 của Luật Thi hành án hình sự năm 2025.

2.17. Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Đoàn Ngọc T5** 03 (ba) năm tù về tội "Đánh bạc" nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Ghi nhận bị cáo Đoàn Ngọc T5 đã nộp số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng theo biên lai thu tiền số 0012963 ngày 25/6/2026 tại Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Giao bị cáo Đoàn Ngọc T5 cho Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Tây Ninh quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 87 của Luật Thi hành án hình sự năm 2025.

2.18. Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm i, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Bùi Thị Thanh V** 03 (ba) năm tù về tội "Đánh bạc" nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Ghi nhận bị cáo Bùi Thị Thanh V đã nộp số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng theo biên lai thu tiền số 0000950 ngày 14/7/2026 tại Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Giao bị cáo Bùi Thị Thanh V cho Ủy ban nhân dân xã H, Thành phố Hồ Chí Minh quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 87 của Luật Thi hành án hình sự năm 2025.

2.19. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Trần Thị T3** 03 (ba) năm tù về tội "Đánh bạc" nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Trần Thị T3 cho Ủy ban nhân dân xã H, Thành phố Hồ Chí Minh quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 87 của Luật Thi hành án hình sự năm 2025.

2.20. Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Phạm Ngọc T4** 03 (ba) năm tù về tội "Đánh bạc", nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Ghi nhận bị cáo Phạm Ngọc T4 đã nộp số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng theo biên lai thu tiền số 0001018 ngày 15/7/2026 tại Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Giao bị cáo Phạm Ngọc T4 cho Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Tây Ninh quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 87 của Luật Thi hành án hình sự năm 2025.

2.21. Căn cứ vào điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Bùi Thị Kim H4** 03 (ba) năm tù về tội "Đánh bạc", nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Ghi nhận bị cáo Bùi Thị Kim H4 đã nộp số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng theo biên lai thu tiền số 0012490 ngày 18/6/2026 tại Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Giao bị cáo Bùi Thị Kim H4 cho Ủy ban nhân dân xã H, Thành phố Hồ Chí Minh quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 87 của Luật Thi hành án hình sự năm 2025.

2.22. Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh D1** 03 (ba) năm tù về tội "Đánh bạc", nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Ghi nhận bị cáo Nguyễn Thanh D1 đã nộp số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng theo Giấy nộp tiền ngày 19/5/2026, người nộp tiền CO MY LINH, người thụ hưởng THI HANH AN DAN SU' TPHCM, số tài khoản 2025202510.

Giao bị cáo Nguyễn Thanh D1 cho Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Tây Ninh quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 87 của Luật Thi hành án hình sự năm 2025.

2.23. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s, t khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 35, Điều 38, Điều 50, Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Trần Xíu N1** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Đánh bạc", nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Ghi nhận bị cáo Trần Xíu N1 đã nộp số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng theo biên lai thu tiền số 0012422 ngày 17/6/2026 tại Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Giao bị cáo Trần Xíu N1 cho Ủy ban nhân dân xã H, Thành phố Hồ Chí Minh quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 87 của Luật Thi hành án hình sự năm 2025.

2.24. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 35; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Cao Hoài T10** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Đánh bạc", nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Ghi nhận bị cáo Cao Hoài T10 đã nộp số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng theo biên lai thu tiền số 0012780 ngày 23/6/2026 tại Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Giao bị cáo Cao Hoài T10 cho Ủy ban nhân dân xã H, Thành phố Hồ Chí Minh quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 87 của Luật Thi hành án hình sự năm 2025.

2.25. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s, t khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 35; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Trương Thế V1** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Đánh bạc", nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Ghi nhận bị cáo Trương Thế V1 đã nộp số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng theo biên lai thu tiền số 0012885 ngày 24/6/2026 tại Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Giao bị cáo Trương Thế V1 cho Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Tây Ninh quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 87 của Luật Thi hành án hình sự năm 2025.

2.26. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 35; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Phạm Minh K** 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Đánh bạc" nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Ghi nhận bị cáo Phạm Minh K đã nộp số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng theo biên lai thu tiền số 0012886 ngày 24/6/2026 tại Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Giao bị cáo Phạm Minh K cho Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Tây Ninh quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 87 của Luật Thi hành án hình sự năm 2025.

2. 27. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 35, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Đặng Đình N2** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Đánh bạc", nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Ghi nhận bị cáo Đặng Đình N2 đã nộp số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng theo biên lai thu tiền số 0012104 ngày 12/6/2026 tại Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Giao bị cáo Đặng Đình N2 cho Ủy ban nhân dân xã B, Thành phố Hồ Chí Minh quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 87 của Luật Thi hành án hình sự năm 2025.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Mỗi bị cáo Nguyễn Kim P, Giang Phúc B, Tô Minh T1, Võ Thành N, Phan Kim T6, Bùi Thanh P1, Nguyễn Thị Lệ T7, Trần Kim T8, Võ Thị H3, Nguyễn Thị Thanh T9 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng

Các bị cáo Thân Công T, Nguyễn Văn H2, Trịnh Tiến D, Huỳnh Thế T2, Nguyễn Văn H, Trần Văn H1, Đoàn Ngọc T5, Bùi Thị Thanh V, Trần Thị T3, Phạm Ngọc T4, Bùi Thị Kim H4, Nguyễn Thanh D1, Trần Xíu N1, Cao Hoài T10, Trương Thế V1, Phạm Minh K và Đặng Đình N2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo Huỳnh Thế T2, Nguyễn Văn H, Trần Văn H1, Đoàn Ngọc T5, Bùi Thị Thanh V, Trần Thị T3, Phạm Ngọc T4, Bùi Thị Kim H4, Nguyễn Thanh D1, Trần Xíu N1, Cao Hoài T10, Trương Thế V1, Phạm Minh K và Đặng Đình N2).

Nơi nhận:

- TANDTC; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- P.PV06 - CA TP.HCM; (1)
- TAND Khu vực 10; (1)
- VKSND Khu vực 10; (1)
- THADS Khu vực 10; (1)
- Bị cáo; (27)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (27)
- Lưu Tòa Hình sự, hồ sơ (70). (8)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Uyên Thy

